

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **12/2019/HNGĐ-ST**.

Ngày: 23/4/2019.

V/v: “*ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH,
TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Mạnh Trí.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thông Phi.

2. Ông Giáp Hà Tĩnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tân - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2019, về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 01 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Mai Thị H, sinh năm 1975; Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Hoàng Đình P, sinh năm 1972; Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn 2, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Thể hiện trong đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, yêu cầu và căn cứ khởi kiện của nguyên đơn - bà Mai Thị H như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông P chung sống với nhau từ năm 1994, nhưng đến năm 2011 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ. Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông P xảy ra từ năm 2013 đến nay, nguyên nhân là do ông P có thái độ không chuẩn mực, uống rượu gây gỗ bạo hành bà H nhiều lần, nên hiện nay giữa bà H và ông P đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc chia sẻ lẫn nhau trong cuộc sống. Bản thân bà H đã không còn tình cảm nên yêu cầu được ly hôn với ông P.

Về con chung: trong quá trình chung sống bà H và ông P có ba người con chung tên Hoàng Thị Như Y, sinh năm 1995 (đã thành niên); Hoàng Thị Thúy V, sinh năm 2002 và Hoàng Nhật T, sinh năm 2008. Khi ly hôn bà H yêu cầu được quyền nuôi cháu V và T cho đến khi thành niên và yêu cầu ông P cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ/ 01 người con, cho đến khi con thành niên.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Hoàng Đình P trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Ông P và bà H chung sống với nhau từ năm 1994 đến năm 2011 thì làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường, thỉnh thoảng có nảy sinh mâu thuẫn, cãi vã. Nhưng thời gian gần đây ông P thấy bà H có đi đánh bài, nên ông P có can thiệp khiến cho vợ chồng nảy sinh xung đột cãi vã, sau đó bà H đã làm đơn ly hôn và sống ly thân với ông P. Nay ông P vẫn còn tình cảm với bà H nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Trong quá trình chung sống ông P và bà H có ba người con chung tên Hoàng Thị Như Y, sinh năm 1995 (đã thành niên); Hoàng Thị Thúy V, sinh năm 2002 và Hoàng Nhật T, sinh năm 2008. Khi ly hôn ông P yêu cầu được quyền nuôi cháu T cho đến khi thành niên.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị giải quyết cho bà H được ly hôn với ông P.

Đề nghị giao cháu Hoàng Thị Thúy V, sinh năm 2002 và Hoàng Nhật T, sinh năm 2008 cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên; Buộc ông P phải cấp dưỡng nuôi con cho bà H mỗi tháng 1.000.000đ/ 01 người con/ 01 tháng cho đến khi con thành niên. Ông P được quyền thăm nom, chăm sóc con, không ai được ngăn cản.

Về án phí: Đề nghị bà H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm và ông P phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Bị đơn - ông Hoàng Đình P mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng tại phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với khoản điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] *Xét yêu cầu ly hôn của bà Mai Thị H*: Bà H và ông P đều thừa nhận rằng, hai bên tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1994, đến năm 2011 thì đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã Đ. Khoảng năm 2013 bà H và ông P nảy sinh mâu thuẫn bất đồng quan điểm và cách sống; không tin tưởng, thiếu sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ trong cuộc sống, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc nên bà H yêu cầu giải quyết ly hôn. Mặc dù bản thân ông P đã thừa nhận giữa ông và bà H có nảy sinh mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng, nhưng bản thân ông vẫn còn tình cảm và không đồng ý ly hôn. Theo kết quả xác minh tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông P tại UBND xã Đ thể hiện đời sống hôn nhân giữa bà H và ông P đã có xảy ra mâu thuẫn do hai bên bất đồng quan điểm sống nên thường xảy ra gây gổ cãi vã nhau. Hiện nay, bà H và ông P không còn sống chung với nhau mà đã ly thân nhau.

Sau khi thụ lý vụ án, nhiều lần Tòa án tác động hòa giải nhưng bà H vẫn cương quyết giữ yêu cầu xin được ly hôn với ông P. Điều này thể hiện tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng bà H và ông P đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cần chấp nhận cho bà H được ly hôn với ông P là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] *Xét yêu cầu nuôi con của các đương sự*: Trong thời gian chung sống bà H và ông P có ba người con chung, trong đó có một người đã thành niên, hai người con chưa thành niên tên Hoàng Thị Thúy V, sinh năm 2002 và Hoàng Nhật T, sinh năm 2008, thì bà H yêu cầu được quyền nuôi dưỡng các con đến khi thành niên. Trong biên bản lấy lời khai ngày 07/3/2019 (BL số 21) ông P trình bày, trong thời gian chung sống, vợ chồng có 3 người con chung, trong đó có 02 con chung chưa thành niên như bà H trình bày là đúng. Khi ly hôn ông có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung Hoàng Nhật T cho đến khi thành niên, ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Xét thấy nguyện vọng được trực tiếp nuôi con của bà H và ông P là hoàn toàn chính đáng, tuy nhiên khi xem xét giao con cho cha hoặc mẹ trực tiếp nuôi dưỡng thì cần xét đến điều kiện, hoàn cảnh và nguyện vọng của các con chưa thành niên.

Xét nguyện vọng của các con và điều kiện hiện tại thấy rằng bà H hiện nay có nghề nghiệp và nơi cư trú ổn định, các con đều có nguyện vọng được ở với bà H và đang do bà H trực tiếp nuôi dưỡng nên cần tiếp tục giao cho bà H có trách nhiệm trực tiếp trông nom chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục hai người con chung nêu trên cho đến khi thành niên, ông P được quyền thăm nom chăm sóc con là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà H trực tiếp nuôi con và yêu cầu ông P có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ/01 người con. Xét bên không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ. Hiện tại, ông P có nghề nghiệp là thợ mộc, có thu nhập nên có điều kiện để cấp dưỡng nuôi con. Do đó cần buộc ông P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con cho bà H mỗi tháng 1.000.000đ/01 người con cho đến khi các con chung T và cháu V thành niên là phù hợp.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà H và ông P đều không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] *Về án phí*: Căn cứ Điều 146, 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án buộc bà H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và ông P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; các Điều 146, 147, 203, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56; Các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị H được ly hôn với ông Hoàng Đình P.

Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng: Giao cho bà Mai Thị H có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai người con chung tên Hoàng Thị Thúy V, sinh năm 2002 và Hoàng Nhật T, sinh năm 2008 cho đến khi thành niên. Ông Hoàng Đình P được quyền thăm nom, chăm sóc con, không ai được ngăn cản.

Ông Hoàng Đình P có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con cho bà H mỗi tháng 1.000.000đ/ 01 người con, cho đến khi cháu Vy và cháu Thy thành niên.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí:

- Bà Mai Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn đã nộp theo biên lai số N 0013060, ngày 07/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh. Bà H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

- Ông Hoàng Đình P phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (23/4/2019). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự. (Đã giải thích quyền kháng cáo).

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự;
- CC THADS huyện Tánh Linh;
- UBND xã Đ;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Mạnh Trí